

Phụ lục III
HƯỚNG DẪN TIÊU CHÍ SỐ 3-THỦY LỢI VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI; CHỈ TIÊU 6.1C, 6.3, 6.4 CỦA TIÊU CHÍ SỐ 6-KINH TẾ; CHỈ TIÊU 7.3, 7.6 CỦA TIÊU CHÍ SỐ 7-MÔI TRƯỜNG; CHỈ TIÊU 8.1, 8.2, 8.5 CỦA TIÊU CHÍ SỐ 8-CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG SỐNG THUỘC BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: /SNN-NTM ngày /8/2024
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

1. Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt

2. Đánh giá thực hiện và hồ sơ minh chứng

2.1. Chỉ tiêu 3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch

a) Nội dung đánh giá: Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 phần II Mục 2 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT. Trong đó, lưu ý:

Theo quy định về phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định của UBND tỉnh, hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn tỉnh đối với cấp tỉnh giao Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (Công ty) quản lý khai thác; đối với cấp huyện giao Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện, Tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý khai thác. Vì vậy, UBND huyện phối hợp với Công ty, chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với UBND cấp xã để đánh giá tiêu chí số 3.

b) Hồ sơ minh chứng

- Đối với nội dung hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch được phê duyệt:

Thông kê, rà soát các công trình thủy lợi liên xã hiện có trên địa bàn huyện và đánh giá sự phù hợp công trình với Quy hoạch vùng huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt hoặc Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính Phủ.

- Đối với nội dung có tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi quy mô cấp huyện phù hợp, yêu cầu:

- + Quyết định thành lập Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi.
- + Quy chế, Điều lệ hoạt động của Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi.
- + Báo cáo kết quả hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi của Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi năm đánh giá, trong đó thể hiện các nội dung về: Quản lý công trình theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý.
- + Báo cáo của Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi về việc thực hiện Phương án bảo vệ công trình thủy lợi được duyệt.
- + Cung cấp bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi; bản đồ hiện trạng tưới, tiêu các vụ trong năm.

2.2. Chỉ tiêu 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ

a) Nội dung đánh giá: Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 phần II Mục 2 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT

b) Hồ sơ minh chứng

- Biểu đánh giá, chấm điểm chỉ tiêu phòng, chống thiên tai cấp huyện theo **Biểu mẫu 1** Phụ lục III kèm theo Hướng dẫn này (có chữ ký đại diện lãnh đạo UBND huyện).

+ Đảm bảo tất cả các mục yêu cầu “có” tại cột yêu cầu phải đáp ứng “có”.

+ Kết quả chấm điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

- Các Quyết định, kế hoạch, văn bản... đã ban hành tương ứng với từng nội dung, chỉ tiêu tại các mục yêu cầu “có” và các mục có tính điểm tại Biểu đánh giá, chấm điểm (nếu có).

II. Chỉ tiêu 6.1c, 6.3, 6.4 của tiêu chí số 6 - Kinh tế

1. Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
6	Kinh tế	6.1c. Có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật.	Đạt
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt

2. Đánh giá thực hiện và hồ sơ minh chứng

2.1. Chỉ tiêu 6.1c. Có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

a) Hướng dẫn về tiêu chuẩn chuyên ngành

Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 phần II Mục 3 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao và tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025.

b) Hồ sơ thẩm định

(i) *Trường hợp địa phương có cụm ngành nghề nông thôn* (hoặc làng nghề/làng nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn):

- Bản sao Quyết định công nhận làng nghề/ làng nghề truyền thống (nếu có);
- Báo cáo hiện trạng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của cụm ngành nghề nông thôn, trong đó cần làm rõ những nội dung như: vị trí, giới hạn địa lý của khu vực sản xuất kinh doanh; ngành nghề hoạt động; tình hình đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: Hệ thống các công trình giao thông nội bộ; cấp nước; thoát nước; xử lý nước thải phù hợp với hoạt động ngành nghề nông thôn; thu gom chất thải rắn; cấp điện và các công trình khác phục vụ hoạt động của cụm ngành nghề nông thôn);
- Danh sách các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm ngành nghề nông thôn.

(ii) *Trường hợp địa phương không có cụm ngành nghề nông thôn theo hướng dẫn tại điểm a*

Tùy vào điều kiện thực tế của địa phương, thực hiện hồ sơ minh chứng chỉ tiêu 6.1c về “Có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật” theo một trong các nội dung sau:

- Có khu vực du lịch cộng đồng:
 - + Bản sao Quyết định công nhận điểm du lịch do UBND tỉnh ban hành (nếu có);
 - + Báo cáo thuyết minh khu vực du lịch cộng đồng đáp ứng các điều kiện công nhận điểm du lịch theo quy định tại Điều 11 Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; bản đồ địa hình, hình ảnh về kết cấu hạ tầng, dịch vụ cần thiết bảo đảm phục vụ khách du lịch;
 - + Danh sách các hộ trên địa bàn huyện tham gia chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch của khu vực du lịch nông thôn;

- Có vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với cơ sở sơ chế, hoặc cơ sở chế biến, hoặc cơ sở xử lý phụ phẩm nông nghiệp:

+ Đề án/Kế hoạch phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung phù hợp với quy hoạch của huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

+ Báo cáo thuyết minh, trong đó cần làm rõ những nội dung như: vị trí địa lý, quy mô của vùng sản xuất; sản phẩm/nhóm sản phẩm nông nghiệp của vùng sản xuất; cơ sở hạ tầng của vùng sản xuất (hệ thống công trình thủy lợi, giao thông nội đồng); việc tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; tình hình thực hiện liên kết giữa vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với cơ sở sơ chế, hoặc cơ sở chế biến, hoặc cơ sở xử lý phụ phẩm nông nghiệp trong thời gian 3 năm liền trước năm công nhận.

+ Bản sao Hợp đồng và hóa đơn, chứng từ hợp lệ chứng minh giá trị giao dịch của hợp đồng liên kết.

- Có cảng cá đạt tiêu chí loại III trở lên, có quyết định công bố mở cảng cá còn hiệu lực và được quản lý, hoạt động theo quy định:

+ Bản sao Quyết định công bố mở cảng cá do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành;

+ Bản sao Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá;

+ Phương án khai thác, sử dụng cảng cá.

- Có khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được thành lập theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao; trong đó,

+ Bản sao Quyết định về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

+ Báo cáo thuyết minh, tài liệu minh chứng việc khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã triển khai thực hiện ít nhất 01 trong các loại hình hoạt động công nghệ cao quy định tại Điều 34 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP (bao gồm: nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; đào tạo nhân lực công nghệ cao lĩnh vực nông nghiệp; hội chợ, triển lãm, trình diễn sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).

2.2. Chỉ tiêu 6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.

*** Đối với lĩnh vực chăn nuôi**

a) Hướng dẫn tiêu chuẩn chuyên ngành

Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Phần II Mục 3 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Sản phẩm chăn nuôi chủ lực của huyện phải phù hợp với định hướng phát triển chăn nuôi của tỉnh. Theo Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025 xác định ba loại vật nuôi chủ lực của tỉnh là: bò thịt, lợn, gà.

b) Hồ sơ thẩm định

- Hồ sơ thẩm định, đánh giá, công nhận đối với việc hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chăn nuôi chủ lực của huyện, bao gồm:

+ Có dự án/kế hoạch được phê duyệt về việc xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chăn nuôi chủ lực của huyện (bò thịt, heo, gà).

+ Quyết định của UBND huyện về việc phê duyệt sản phẩm chăn nuôi chủ lực trên địa bàn huyện.

+ Sản phẩm chăn nuôi chủ lực phải phù hợp với định hướng phát triển của huyện. Có hồ sơ minh chứng để đánh giá có tỷ trọng giá trị sản xuất trong 01 năm lớn nhất so với giá trị sản xuất của các sản phẩm khác trên địa bàn huyện, hoặc tỷ lệ hộ nông dân tham gia vào sản xuất sản phẩm chăn nuôi lớn nhất so với các sản phẩm khác trên địa bàn huyện.

+ Hồ sơ minh chứng, giải pháp về bảo vệ môi trường.

- Hồ sơ thẩm định, đánh giá, công nhận đối với mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chăn nuôi chủ lực của huyện; bao gồm:

+ Quyết định của UBND huyện về việc phê duyệt sản phẩm chăn nuôi chủ lực trên địa bàn huyện;

+ Sản phẩm chăn nuôi chủ lực phải phù hợp với định hướng phát triển của huyện. Có hồ sơ minh chứng để đánh giá có tỷ trọng giá trị sản xuất trong 01 năm lớn nhất so với giá trị sản xuất của các sản phẩm khác trên địa bàn huyện, hoặc tỷ lệ hộ nông dân tham gia vào sản xuất sản phẩm chăn nuôi lớn nhất so với các sản phẩm khác trên địa bàn huyện;

+ Bản sao chụp Giấy chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc tương đương còn hiệu lực đối với sản phẩm mô hình liên kết.

+ Hồ sơ minh chứng về đảm bảo an toàn dịch bệnh: Lịch tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc chuồng trại, sổ ghi chép theo dõi trong quá trình chăn nuôi, sử dụng thuốc thú y,...

+ Hồ sơ minh chứng, giải pháp về bảo vệ môi trường.

*** Đối với lĩnh vực trồng trọt**

a) Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện:

- Đánh giá thực hiện

Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 phần II Mục 3 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí

quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao và tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 (*trang 35-36*).

- Hồ sơ minh chứng

+ Có Đề án/Kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Bản sao hợp đồng liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ một trong những sản phẩm chủ lực của huyện giữa các bên tham gia liên kết.

+ Quyết định của UBND cấp huyện phê duyệt sản phẩm chủ lực của huyện.

b) Có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện:

- Đánh giá thực hiện

Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 phần II Mục 3 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao và tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 (*trang 36*).

- Hồ sơ minh chứng

+ Quyết định của UBND cấp huyện phê duyệt sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của chủ trì liên kết (doanh nghiệp/hợp tác xã).

+ Bản sao Hợp đồng liên kết, các biên bản thanh lý hợp đồng liên kết và các tài liệu có liên quan để chứng minh việc chủ trì liên kết và đối tượng liên kết đã ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của huyện.

+ Báo cáo của UBND cấp huyện về tình hình thực hiện mô hình liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực trên địa bàn huyện, trong đó nêu rõ: tên mô hình liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm, các bên tham gia liên kết, số hộ nông dân tham gia liên kết, quy mô liên kết (diện tích/số lượng con, sản lượng tiêu thụ, giá trị sản xuất), lợi ích nhận được của các bên tham gia liên kết (như: kết quả chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập), hiệu quả triển khai mô hình và đóng góp phát triển kinh - Dự án/Kế hoạch liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản sao hợp đồng liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ một trong những sản phẩm chủ lực của huyện giữa các bên tham gia liên kết (như: kết quả chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập), hiệu quả triển khai mô hình và đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương,...

+ Giấy chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc tương đương còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

2.3. Chỉ tiêu 6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyển

giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả

a) Hướng dẫn về tiêu chuẩn chuyên ngành

Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 phần II Mục 3 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao và tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025.

Huyện đạt chỉ tiêu 6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả khi đạt ít nhất 5/7 nội dung quy định tại Bảng đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 nêu trên.

b) Hồ sơ minh chứng

- Bản sao Quyết định về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp do cấp có thẩm quyền ban hành;

- Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các tổ chức thành viên của Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Báo cáo đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của cấp có thẩm quyền 03 năm liền trước năm xét công nhận. Báo cáo cần mô tả cụ thể các hoạt động, lượng hóa kết quả đạt được (có hình ảnh, tài liệu minh họa) theo 07 nội dung của Bảng đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp.

III. Chỉ tiêu 7.3, 7.6 của tiêu chí số 7 - Môi trường

1. Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
7	Môi trường	7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥ 01 mô hình
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$

2. Đánh giá thực hiện và hồ sơ minh chứng

2.1. Chỉ tiêu 7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên (≥ 01 mô hình)

a) Hướng dẫn về tiêu chuẩn chuyên ngành

Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 phần II Mục 4 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn

mới/huyện nông thôn mới nâng cao và tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 (trang 37-40).

b) Hồ sơ minh chứng

- Báo cáo của UBND huyện (đang xét duyệt huyện nông thôn mới); tài liệu, số liệu liên quan thể hiện: trên địa bàn huyện có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên như: Quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh (có ngành nghề phù hợp) đối với mô hình; phương án, quy trình sản xuất kinh doanh kèm theo hồ sơ về môi trường phù hợp với quy mô dự kiến; địa chỉ, mặt bằng hoạt động, nhà xưởng, máy móc trang thiết bị và nhân lực phù hợp; cam kết thu mua (hoặc hợp đồng thu gom) với ít nhất 80% số hộ gia đình hoặc ít nhất 100 hộ chăn nuôi, chế biến, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn một xã hoặc nhiều xã; Có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm hoặc địa chỉ sử dụng sản phẩm cụ thể kèm theo các chứng từ bàn giao sản phẩm (hoá đơn, phiếu xuất kho hoặc biên bản giao nhận);...

- Bảng đánh giá tình hình kết quả thực hiện có xác nhận của UBND huyện (đang xét duyệt huyện nông thôn mới). Bảng đánh giá tình hình kết quả thực hiện (theo Biểu mẫu tại Điểm đ, Khoản 1, Phần II, Mục 4, Chương III Hướng dẫn theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT (trang 40).

2.2. Chỉ tiêu 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn

a) Hướng dẫn về tiêu chuẩn chuyên ngành

Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 phần II Mục 4 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT, như sau:

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là đất công viên, vườn hoa, sân chơi phục vụ cho nhu cầu và bảo đảm khả năng tiếp cận của mọi người dân trong điểm dân cư nông thôn (theo mục 1.4.16 và mục 1.4.17 QCVN 01: 2021/BXD) và đất trồng cây ở các hành lang giao thông, ven sông, kênh, mương, trong khuôn viên các trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác... được trồng các loại cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích (bao gồm cả cây bóng mát, cây ăn quả lâu năm; không bao gồm cây thân thảo, vườn hoa, thảm cỏ) có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan, tác dụng phòng hộ cao, cây quý, hiếm, mang bản sắc văn hóa địa phương/vùng/miền (theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”), cụ thể: Huyện đạt tiêu chí đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025 là huyện có đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn không thấp hơn so với quy định $\geq 2m^2$ /người.

b) Yêu cầu về thiết kế quy hoạch trồng cây xanh

- Quy hoạch đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, điều kiện đặc thù và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Rà soát, xác định diện tích đất công viên, vườn hoa, sân chơi phục vụ cho nhu cầu và bảo đảm khả năng tiếp cận của mọi người dân trong điểm dân cư nông thôn và đất trồng cây ở các hành lang giao thông, ven sông, kênh, mương, trong khuôn viên các trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác...

- Cây xanh sử dụng công cộng phải quy hoạch để đảm bảo cho người dân tiếp cận thuận lợi. Khi quy hoạch và trồng cây xanh không làm ảnh hưởng tới an toàn giao thông, không làm hư hại công trình kiến trúc, hạ tầng, bao gồm cả phần ngầm và trên mặt đất; phù hợp với các yêu cầu về phòng chống thiên tai; không tiết ra các chất độc hại hoặc hấp dẫn côn trùng gây nguy hiểm tới người sử dụng và môi trường sống của dân cư.

- Loài cây trồng: Chọn loài cây trồng phù hợp với mục đích, cảnh quan và điều kiện sinh thái, tập quán canh tác của từng địa phương, từng khu vực cụ thể; được trồng các loài cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích (bao gồm cả cây bóng mát, cây ăn quả lâu năm; không bao gồm cây thân thảo, vườn hoa, thảm cỏ) có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan, tác dụng phòng hộ cao, cây quý, hiếm, mang bản sắc văn hóa địa phương.

c) Hồ sơ minh chứng

- Báo cáo hiện trạng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã/huyện, trong đó cần nêu rõ tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch được duyệt, hiện trạng cây xanh đã được trồng trên diện tích theo quy hoạch.

- Kết quả thống kê tổng số người sống tại các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã/huyện.

- Kế hoạch quản lý khu vực đất cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm dân cư nông thôn (bao gồm quản lý diện tích đất, quản lý các công trình gắn với khu vực, quản lý và chăm sóc các loài cây trồng trên đất) của UBND cấp xã/UBND cấp huyện.

- Cam kết thực hiện Kế hoạch quản lý khu vực đất cây xanh sử dụng công cộng của các hộ dân sinh sống tại các điểm dân cư nông thôn.

- Giấy tờ chứng minh cây trồng có nguồn gốc hợp pháp, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

IV. Chỉ tiêu 8.1, 8.2, 8.5 của tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống

1. Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 22\%$
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 35\%$
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%

2. Đánh giá thực hiện và hồ sơ minh chứng

2.1. Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ($\geq 22\%$)

a) Nội dung đánh giá và phương pháp xác định

Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 phần II Mục 5 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT. Trong đó, lưu ý:

- Sử dụng kết quả thực hiện Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn hàng năm hoặc tổ chức điều tra, thu thập số liệu thực tế trên địa bàn huyện để đánh giá kết quả thực hiện nội dung 8.1.

- Đối với Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định.

b) Hồ sơ minh chứng

- Giấy xét nghiệm chất lượng nước của các công trình cấp nước trên địa bàn huyện tại thời điểm đánh giá đạt Quy chuẩn nước sạch cho mục đích sinh hoạt của Bộ Y tế hoặc Quy chuẩn kỹ thuật địa phương do UBND tỉnh ban hành.

- Lập danh sách tổng hộ sử dụng nước sạch theo từng xã về tình hình sử dụng nước sạch của năm đánh giá theo **Biểu mẫu 2** Phụ lục III kèm theo Hướng dẫn này.

2.2. Chỉ tiêu 8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ($\geq 35\%$)

a) Nội dung đánh giá và phương pháp xác định

Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 phần II Mục 5 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT. Trong đó, lưu ý:

- Sử dụng kết quả thực hiện Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn hàng năm hoặc tổ chức điều tra, thu thập số liệu thực tế trên địa bàn huyện để đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu 8.2.

- Đối với Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định.

b) Hồ sơ minh chứng

- Có bảng đánh giá mức độ hoạt động bền vững của công trình dựa vào 05 tiêu chí đánh giá của Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn tại điểm d khoản 3, phần II, Mục 4, Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT (tổng số điểm ≥ 70 điểm, trong đó bắt buộc phải đạt ít nhất 15 điểm cho nội dung đánh giá số 1 và 20 điểm cho nội dung đánh giá số 2).

- Có **Biểu mẫu 3** Phụ lục III kèm theo Hướng dẫn này về tỷ lệ hệ thống cấp nước tập trung có tổ chức quản lý khai thác hoạt động bền vững.

2.3. Chỉ tiêu 8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (100%)

a) Hướng dẫn về tiêu chuẩn chuyên ngành

Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 phần II Mục 5 Chương III Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và PTNT.

b) Hồ sơ minh chứng

- Danh sách thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn huyện đầy đủ các thông tin: tên cơ sở, địa chỉ cơ sở theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh; Danh sách thống kê phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ở địa phương. Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

- Thông tin việc tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tương ứng với từng loại hình cơ sở, cụ thể:

+ Bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (với đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) hoặc Bản sao Bản cam kết, ngày làm Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn của hộ gia đình và cơ sở (với đối tượng thực hiện ký Bản cam kết).

+ Ngày kiểm tra, cơ quan kiểm tra; kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ quan chức năng.

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
Biểu mẫu 1. ĐỐI VỚI HUYỆN

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Yêu cầu	Thang tính điểm	
				Có	Không có/ hoặc có theo tỷ lệ %
Tổng điểm				100	
I	Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực			40	
1	Tổ chức bộ máy	a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện được thành lập (Quyết định).	Có	5	0
		b) Được kiện toàn kịp thời theo quy định.		5	0
		c) Có quy định phòng chức năng được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện (Quyết định).	Có	5	0
		d) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương (Quyết định phân công)		5	0
2	Nguồn nhân lực	a) Có 100% số cán bộ cấp huyện tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ (văn bản triệu tập, cử cán bộ tham gia).		10	Tính điểm theo tỷ lệ %
		b) Có hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm cho 100% số đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.	Có	10	Tính điểm theo tỷ lệ %
II	Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh			35	
1	Kế hoạch phòng, chống thiên tai	a) Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp huyện được phê duyệt	Có	5	0
		b) Được rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định của Luật.		5	0
		c) Có xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai.	Có	10	0

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Yêu cầu	Thang tính điểm	
				Có	Không có/ hoặc có theo tỷ lệ %
2	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.	Có	5	0
3	Thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt	Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện phải chuẩn bị, duy trì thường xuyên hoặc có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.		10	Tính điểm theo tỷ lệ %
III	Về cơ sở hạ tầng thiết yếu			25	
1	Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng	a) Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch về đê điều (nếu có).		5	0
		b) 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.		10	Tính điểm theo tỷ lệ %
2	Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai	Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.	Có	10	Tính điểm theo tỷ lệ %

* Kết quả:

- Mức “Đạt” khi đáp ứng đủ 02 điều kiện:

+ *Đảm bảo tất cả các mục yêu cầu "có" tại cột yêu cầu phải đáp ứng "có";*

- + *Kết quả chấm điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.*
- Mức “Khá” khi đáp ứng đủ 02 điều kiện:
 - + *Đảm bảo tất cả các mục yêu cầu "có" tại cột yêu cầu phải đáp ứng "có";*
 - + *Kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm.*
- Mức “Tốt” khi đáp ứng đủ 02 điều kiện:
 - + *Đảm bảo tất cả các mục yêu cầu "có" tại cột yêu cầu phải đáp ứng "có";*
 - + *Kết quả chấm điểm đạt từ 85 điểm trở lên./.*

Biểu mẫu 3: Cấp xã và huyện
Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý khai thác hoạt động bền vững

TT	Tên công trình	Địa bàn cung cấp (xã)	(1) Thu phí dịch vụ so với chi phí vận hành, bảo trì				(2) Nước sau xử lý đạt QCVN		(3) Khả năng cấp nước thường xuyên trong năm			(4) Công suất thực tế so với công suất thiết kế sau 02 năm			(5) Cán bộ có chuyên môn, năng lực quản lý vận hành phù hợp		Nguồn thông tin kiểm chứng	Đánh giá mức độ hoạt động bền vững				
			Dư (20 điểm)	Đủ (15 điểm)	Không đủ (10 điểm)	Không thu (0 điểm)	Đạt (20 điểm)	Không đạt (0 điểm)	Ổn định (20 điểm)	<30 ngày không cấp/năm (10 điểm)	>30 ngày không cấp/năm (0 điểm)	>60% (20 điểm)	Từ 50-60% (10 điểm)	<50% (0 điểm)	Đạt (20 điểm)	Không đạt (0 điểm)		Tổng điểm	BV	TĐBV	KBV	KHĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1																						
2																						
3																						
4																						
5																						
	Tổng																					

Ghi chú:

Tổng điểm ≥ 70 điểm (trong đó bắt buộc phải đạt ít nhất 15 điểm cho nội dung đánh giá số (1) và 20 điểm cho nội dung đánh giá số (2)): Bền vững

Tổng điểm từ 50 đến <70 điểm: Tương đối bền vững

Tổng điểm từ 20 đến < 50 điểm: Kém bền vững

Tổng điểm dưới 20 điểm: Không hoạt động